

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 95 /QĐ-ĐHNCT, ngày 27 tháng 5 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

- Tên chương trình đào tạo : **BẮT ĐỘNG SẢN**
- Trình độ đào tạo : **Đại học**
- Mã số : **52340116**
- Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

Căn cứ Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định điều kiện, hồ sơ, quy định mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “*Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*”;

Căn cứ Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn Giáo dục quốc phòng-an ninh;

Căn cứ Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

Căn cứ hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ;

1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân đại học về Bất động sản (BDS) có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, có sức khỏe tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Cử nhân bất động sản là người có kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về kinh tế và quản trị kinh doanh BDS; có kiến thức về khoa học đất, đất đai; có tư duy khoa học sáng tạo, chủ động và độc lập tại các vị trí công tác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và thị trường BDS cũng như trong lĩnh vực kinh doanh BDS.

2. Yêu cầu về kiến thức:

- Cử nhân BĐS được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường, kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh hiện đại; nắm vững kiến thức chuyên sâu, các nghiệp vụ quản lý nhà nước về đất đai và thị trường BĐS, kiến thức chuyên sâu và các nghiệp vụ về đầu tư kinh doanh và dịch vụ BĐS.

3. Yêu cầu về kỹ năng:

- Có khả năng tham gia xây dựng, hoạch định các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai và thị trường BĐS; có khả năng thực thi các tác nghiệp để thực hiện các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và thị trường BĐS; có khả năng tạo lập, vận hành các công ty đầu tư phát triển BĐS hoặc các công ty kinh doanh dịch vụ BĐS; có khả năng thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong các hoạt động đầu tư, kinh doanh, các hoạt động dịch vụ trong thị trường BĐS; có kỹ năng phối hợp trong làm việc nhóm, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và chủ động trong công việc.

4. Yêu cầu về thái độ:

- Tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; tinh thần cầu thị và ý chí phấn đấu vươn lên, sẵn sàng chấp nhận và thích ứng với môi trường và điều kiện làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật tốt; năng động nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc.

5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân ngành BĐS có thể làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước về đất đai từ trung ương đến địa phương; các cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và thị trường BĐS từ trung ương đến địa phương. Cử nhân BĐS có thể làm việc trong các tập đoàn, tổng công ty, công ty đầu tư phát triển BĐS, các công ty kinh doanh dịch vụ BĐS; bộ phận định giá của các ngân hàng và các tổ chức tài chính,... cán bộ nghiên cứu và giảng dạy trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng học tiếp ở bậc đào tạo thạc sĩ và nghiên cứu sinh các ngành

7. Khả năng ngoại ngữ, tin học

- Đạt trình độ về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra của Trường Đại học Nam Cần Thơ; có khả năng sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong lĩnh vực bản đồ, đăng ký và quản lý đất đai và nhà ở.

8. Có kỹ năng nghiệp vụ về chuyên môn và có kỹ năng mềm về giải quyết công việc & quản lý thời gian + kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo:

Theo chương trình đào tạo bổ sung từ các khóa học ngoại khóa (có cấp chứng nhận của Trường).

9. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 4 năm với (8 học kỳ).

10. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa là **124** tín chỉ (TC), không bao gồm Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ).

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương (chưa kể các phần nội dung Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh)	30
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	71
II.1	- Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	30
II.2	- Kiến thức ngành và chuyên ngành	41
III	Kiến thức bổ trợ	9
IV	Thực tập tốt nghiệp, Khóa luận tốt nghiệp (<i>học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>)	14
	Tổng khối lượng	124

11. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành và theo đề án tự tuyển sinh của Trường.

12. Quy trình đào tạo, thang đánh giá và công nhận tốt nghiệp

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với các học phần được thiết kế trong chương trình đào tạo. Đối với các học phần điều kiện, thực hiện theo quy định hiện hành về đào tạo, công nhận và cấp chứng chỉ liên quan do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Phương pháp dạy và học: Cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu giảng dạy. Chú trọng khơi gợi cho người học chủ động tìm hiểu kiến thức. Sử dụng phương tiện giảng dạy phù hợp với từng nội dung, từng buổi giảng. Tổ chức đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình giảng dạy. Cuối mỗi học phần, cho phép người học được dự thi kết thúc học phần lần 1 và lần 2 (cho sv thi hỏng lần 1). Không áp dụng thi cải thiện điểm, chỉ cho đăng ký học cải thiện điểm. Thang điểm sử dụng đánh giá quá trình là thang 10, thang điểm quy đổi trong xếp loại là thang 4 (1,2,3,4) và điểm chữ (A,B,C,D,F).

Một tín chỉ được tính bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết học thực hành; 1 tuần thực tập tại cơ sở (bao gồm thời gian viết báo cáo và tổ chức đánh giá thu hoạch);

Xếp hạng năm học thực hiện theo quy định hiện hành, là cơ sở cho việc tổ chức đăng ký học tập đối với học kỳ tiếp theo của người học.

Người học chỉ được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng khi hoàn thành đủ khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo này (trong trường hợp học cùng lúc hai chương trình sẽ được xem xét bảo lưu và chuyển điểm); Hoàn thành và được cấp chứng chỉ các kỹ năng theo chuẩn đầu ra do nhà trường ban hành;

13. Danh mục các học phần và phân loại kiến thức:

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên học phần	Số tín chỉ				Số tiết				Ghi chú
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		30	28	2	0	480	420	60	0	
1		Giáo dục thể chất	3		3		90		90		
2		Giáo dục quốc phòng – An ninh	8	5	3		165	75	90		
3		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin P1	2	2			30	30			
4		Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin P2	3	3			45	45			
5		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			30	30			
6		Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			45	45			
7		Tiếng Anh 1	3	3			45	45			
8		Tiếng Anh 2	3	3			45	45			
9		Pháp luật đại cương	2	2			30	30			
10		Tin học căn bản	3	1	2		75	15	60		
11		Toán cao cấp	4	4			60	60			
12		Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3			45	45			
13		Quy hoạch tuyến tính	2	2			30	30			
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		71	71			1065	1065			
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành		30	30			450	450			

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên học phần	Số tín chỉ				Số tiết				Ghi chú
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	
1		Kinh tế vi mô 1	3	3			45	45			
2		Kinh tế vi mô 2	3	3			45	45			
3		Kinh tế vĩ mô 1	3	3			45	45			
4		Kinh tế vĩ mô 2	3	3			45	45			
5		Quản trị học	2	2			30	30			
6		Kinh tế phát triển	2	2			30	30			
7		Kinh tế quốc tế	2	2			30	30			
8		Kinh tế lượng	3	3			45	45			
9		Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	3			45	45			
10	Tự chọn 1 (1 học phần):										
10.1		Các học thuyết kinh tế	3	3			45	45			
10.2		Marketing căn bản	3	3			45	45			
10.3		Nguyên lý kế toán	3	3			45	45			
11	Tự chọn 2 (1 học phần)										
11.1		Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3			45	45			
11.2		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3			45	45			
11.3		Luật lao động	3	3			45	45			
II.2	Kiến thức ngành và chuyên ngành		41	41			615	615			
1		Địa lý kinh tế Việt Nam	3	3			45	45			
2		Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			45	45			
3		Nguyên lý bất động sản	3	3			45	45			
4		Thẩm định giá bất động sản	3	3			45	45			
5		Đầu tư và tài chính bất động sản	3	3			45	45			
6		Lập dự án đầu tư bất động sản	3	3			45	45			
7		Phát triển bất động	3	3			45	45			

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên học phần	Số tín chỉ				Số tiết				Ghi chú
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	
		sản									
8		Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	3			45	45			
9		Phân tích lợi ích chi phí	3	3			45	45			
10		Thẩm định dự án	3	3			45	45			
11	Tự chọn 1 (1 học phần)										
11.1		Kế toán tài chính	3	3			45	45			
11.2		Quản trị vận hành	3	3			45	45			
11.3		Quản trị dự án	3	3			45	45			
12	Tự chọn 2 (1 học phần)										
12.1		Kinh tế công	3	3			45	45			
12.2		Dân số học	3	3			45	45			
12.3		Quy hoạch sử dụng đất	3	3			45	45			
13	Tự chọn 3 (1 học phần)										
13.1		Đầu tư tài chính	3	3			45	45			
13.2		Kỹ năng giao tiếp kinh doanh	3	3			45	45			
13.3		Phân tích chuỗi giá trị	3	3			45	45			
14	Tự chọn 4 (1 học phần)										
14.1		Đàm phán trong kinh doanh bất động sản	2	2			30	30			
14.2		Thuế	2	2			30	30			
14.3		Tài chính quốc tế	2	2			30	30			
IV	Kiến thức bổ trợ		9	7	2		165	105	60		
1		Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1		60	30	30		
2		Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1		60	30	30		
3		Tài chính doanh nghiệp	3	3			45	45			
III.	Tốt nghiệp		14		5	9	990		450	540	
1		Thực tập tốt nghiệp	5		5		450		450		

TT	Mã HP	Khối kiến thức/Tên học phần	Số tín chỉ				Số tiết				Ghi chú
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	
<i>Đối với sinh viên thực hiện Khóa luận tốt nghiệp:</i>											
2		Khóa luận tốt nghiệp	9			9	540			540	
Tổng chương trình đào tạo đối với sinh viên thực hiện Khóa luận tốt nghiệp			124	106	9	9	2700	1590	570	540	
<i>Đối với sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp thì học hai học phần thay thế:</i>											
1		Phân tích và Đầu tư chứng khoán	3	3			45	45			
2		Đồ án chuyên ngành	6			6	360			360	
Tổng chương trình đào tạo đối với sinh viên không thực hiện Khóa luận tốt nghiệp			124	109	9	6	2565	1635	570	360	

14. Kế hoạch giảng dạy

TT	Học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TS	LT	TH	TS	LT	TH
HỌC KỲ 1							
1	Giáo dục thể chất 1 *	1		1	30		30
2	Giáo dục quốc phòng – an ninh*	8	5	3	165	75	90
3	Những NLCB của CN Mác Lênin 1	2	2		30	30	
4	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
5	Tin học căn bản	3	1	2	75	15	60
6	Toán cao cấp	4	4		60	60	
7	Tiếng Anh 1	3	3		45	45	
Tổng Học kỳ 1 (chưa cộng *)		14	12	2	240	180	60
HỌC KỲ 2							
1	Giáo dục thể chất 2 *	1		1	30		30
2	Những NLCB của CN Mác Lênin 2	3	3		45	45	
3	Kinh tế vi mô 1	3	3		45	45	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
5	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	3		45	45	
6	Tiếng Anh 2	3	3		45	45	
7	Tự chọn (1 học phần):	3	3		45	45	
7.1	<i>Các học thuyết kinh tế</i>						
7.2	<i>Marketing căn bản</i>						

TT	Học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TS	LT	TH	TS	LT	TH
7.3	<i>Nguyên lý kế toán</i>						
Tổng Học kỳ 2 (chưa cộng *)		17	17		255	255	
HỌC KỲ 3							
1	Giáo dục thể chất 3 *	1		1	30		30
2	Đường lối cách mạng ĐCS Việt Nam	3	3		45	45	
3	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45	45	
4	Quy hoạch tuyến tính	2	2		30	30	
5	Quản trị học	2	2		30	30	
6	Nguyên lý bất động sản	3	3		45	45	
7	Tự chọn (1 học phần):	3	3		45	45	
7.1	<i>Nguyên lý thống kê kinh tế</i>						
7.2	<i>Lý thuyết tài chính tiền tệ</i>						
7.3	<i>Luật Lao động</i>						
Tổng học kỳ 3 (chưa cộng *)		16	16		240	240	
HỌC KỲ 4							
1	Kinh tế quốc tế	2	2		30	30	
2	Kinh tế phát triển	2	2		30	30	
3	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	2	1	60	30	30
4	Kinh tế lượng	3	3		45	45	
5	Địa lý kinh tế Việt Nam	3	3		45	45	
6	Tự chọn (1 học phần):	3	3		45	45	
6.1	<i>Kế toán tài chính</i>						
6.2	<i>Quản trị vận hành</i>						
6.3	<i>Quản trị dự án</i>						
Tổng học kỳ 4		16	15	1	255	225	30
HỌC KỲ 5							
1	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	2	1	60	30	30
2	Kinh tế vi mô 2	3	3		45	45	
3	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	3	3		45	45	
4	Phân tích lợi ích chi phí	3	3		45	45	
5	Tự chọn (1 học phần)	3	3		45	45	
5.1	<i>Kinh tế công cộng</i>						
5.2	<i>Dân số học</i>						
5.3	<i>Quy hoạch sử dụng đất</i>						
Tổng học kỳ 5		15	14	1	240	210	30
HỌC KỲ 6							
1	Kinh tế vĩ mô 2	3	3		45	45	
2	Tài chính doanh nghiệp	3	3		45	45	
3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3		45	45	

TT	Học phần	Tín chỉ			Số tiết		
		TS	LT	TH	TS	LT	TH
5	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	3		45	45	
4	Thẩm định dự án	3	3		45	45	
5	Tự chọn (1 học phần):	2	2		30	30	
5.1	<i>Tài chính quốc tế</i>						
5.2	<i>Thuế</i>						
5.3	<i>Đàm phán trong kinh doanh BĐS</i>						
Tổng học kỳ 6		17	17		255	255	
HỌC KỲ 7							
1	Phát triển bất động sản	3	3		45	45	
2	Lập dự án đầu tư bất động sản	3	3		45	45	
3	Thẩm định giá bất động sản	3	3		45	45	
4	Đầu tư và tài chính bất động sản	3	3		45	45	
5	Tự chọn (1 học phần):	3	3		45	45	
5.1	<i>Đầu tư tài chính</i>						
5.2	<i>Kỹ năng giao tiếp kinh doanh</i>						
5.3	<i>Phân tích chuỗi giá trị</i>						
Tổng học kỳ 7		15	15		225	225	
HỌC KỲ 8							
1	Thực tập tốt nghiệp	5		5	450	450	
<i>Đối với sinh viên thực hiện KLTN:</i>							
2	Khóa luận tốt nghiệp	9		9	540		540
Tổng học kỳ 8 đối với SV làm KLTN		14		14	990	450	540
<i>Đối với sinh viên không thực hiện KLTN thì học 02 môn thay thế:</i>							
2	Phân tích và Đầu chứng chứng khoán	3	3		45	45	
3	Đồ án chuyên ngành	6		6	360		360
Tổng học kỳ 8 đối với SV không làm KLTN		14	3	11			

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

Trường khoa chịu trách nhiệm rà soát và đề xuất hiệu chỉnh cấu trúc chương trình đào tạo mỗi 2 năm một lần. Cùng phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành hiệu chỉnh theo đúng thủ tục và trình tự ban hành và đề xuất hiệu trưởng thống nhất áp dụng.

Tổ trưởng bộ môn chịu trách nhiệm quản lý cập nhật nội dung đề cương chi tiết từng học phần được phân công. Hàng năm tiến hành đề xuất và hoàn thành trình tự, thủ tục cập nhật nội dung giảng dạy, tài liệu tham khảo, bài đọc, bài tập và bài thực hành trình lãnh đạo khoa xem xét thông qua và áp dụng.

Phòng đào tạo lập kế hoạch tổ chức giảng dạy theo từng khóa học, năm học và học kỳ trước khi bắt đầu tuyển sinh trình Hiệu trưởng phê duyệt. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ cần ban hành thông báo việc mở lớp học phần đến toàn thể sinh viên, giảng viên và được sự thống nhất của các đơn vị liên quan. Tổ chức ghi nhận toàn bộ quá trình hoạt động giảng dạy và học tập theo thời khóa biểu chung.

Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần, đề xuất giảng viên thỉnh giảng và quản lý nội dung chi tiết giảng dạy của giảng viên. Đề cương chi tiết các học phần được lưu trữ tại văn phòng khoa, được thống nhất sử dụng chung cho cùng một học phần.

Trung tâm đào tạo theo chuẩn đầu ra chịu trách nhiệm tổ chức trang bị các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và các kỹ năng cơ bản khác cho người học trên cơ sở phát triển kiến thức của chương trình đào tạo này.

Các học phần cấp chứng chỉ được áp dụng quy định cụ thể cho từng loại do các cơ quan quản lý Nhà nước ban hành.

16. Tài liệu minh chứng quá trình đánh giá chương trình đào tạo

- Kế hoạch cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo.
- Quyết định thành lập Hội đồng cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo các cấp.
- Biên bản xem xét thông qua chương trình của hội đồng khoa học các cấp.

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC & ĐÀO TẠO KHOA	HỘI ĐỒNG KHOA HỌC & ĐÀO TẠO TRƯỜNG	PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG